TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 -05-2022
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ**
Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**
Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Khu 12, xã Đ T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang T1**, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Khu 12, xã Đ T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Quang T1 ngày 16/11/1998 đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Đ L, huyện Tam Thanh (nay là xã Đ T, huyện Thanh Thủy), tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được 5 năm. Tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận hạnh phúc. Kể từ ngày 28/12/2002, vợ chồng Chị H có bàn bạc để anh T1 đi xuất khẩu lao động. Từ tháng 2/2003, anh T1 đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Thời gian đầu anh T1còn thư từ qua lại và gửi tiền về để nuôi con nhưng đến năm 2004, anh T1không còn viết thư về cho gia đình cũng không gửi tiền về cho Chị H nuôi con. Năm 2007, anh T1 về nước. Kể từ đó vợ chồng mâu thuẫn không thể chung sống với nhau. Vợ chồng Chị H đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan

tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T1 .

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 15/10/1999.

Cháu Đ hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Quang T1 đến làm việc và thông báo cho anh T1 đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án làm việc cùng anh Nguyễn Quang T2 là em trai ruột của anh Nguyễn Quang T1 cho biết:

Anh T1và Chị H kết hôn năm 1998, quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2003 anh T1 đi nước ngoài làm ăn. Đến năm 2007 thì về Việt Nam. Từ đó anh T1thường xuyên đi làm xa, không thường xuyên về nhà, thỉnh thoảng có về thăm sau đó lại đi luôn. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà và đã thông báo cho anh T1 biết, anh T1 cũng đã biết việc Chị H xin ly hôn. Anh T1 không có ý kiến gì, tuỳ Chị H giải quyết, có vấn đề gì thì liên hệ trực tiếp qua số điện thoại của anh T1 âm.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ T và Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ T, xác định: Anh T1và Chị H đăng ký kết hôn với nhau năm 1998 tại UBND xã Đ L, huyện Tam Thanh (nay là xã Đ T, huyện Thanh Thủy), tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn. Về mâu thuẫn vợ chồng của Chị Hvà anh T1địa phương có nắm được, vì anh T1đi làm ăn xa lâu ngày, khi về vẫn sống ly thân với chị Hằng. Chị Hvà anh T1có 01 con chung, hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng. Nay Chị Hxin ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T1huỷ tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

- Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hằng, xử cho Chị Hđược ly hôn anh T1âm. .*

Về con chung: Cháu Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 15/10/1999. Hiện nay Cháu Đ đã thành niên và có khả năng lao động nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T1 về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh T1đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả thể hiện anh T1có đăng ký HKTT tại Khu 12, xã Đ T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Qua xác minh anh Nguyễn Quang T1uyến là em trai ruột anh T1thì anh T1vẫn về thăm nhà và có biết nội dung Toà triệu tập đến làm việc nhưng anh T1không đến. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Chị Hcó đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Hkết hôn với anh T1vào ngày 16/11/1998, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Đ L, huyện Tam Thanh (nay là xã Đ T, huyện Thanh Thủy), tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Hằng, anh T1xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh T1đi làm ăn xa, không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho vợ con, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thực tế chung sống từ năm 2007, đến nay đã là 18 năm, Chị Hđã về sinh sống với bố, mẹ đẻ cũng tại khu 12, xã Đ T từ lâu. Nay Chị Hxác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh T1âm. Quá trình giải quyết anh T1đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia hòa giải. Anh Nguyễn Quang T2 là em trai ruột của anh T1cho biết, anh T1đã biết việc Chị Hxin ly hôn, quan điểm là không có ý kiến gì, tuỳ Chị Hgiải quyết. Việc anh T1vẫn về địa phương nhưng không đến Toà án tham gia hoà giải cho thấy anh T1không có nguyện vọng muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Chính quyền địa phương, Hội phụ nữ xã Đ T, huyện Thanh Thủy xác định; Chị Hvà anh T1có mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân không còn chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng Chị Hvà anh T1đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân được thời gian đã lâu, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không quan tâm, hợp tác hòa giải. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H , xử cho chị được ly hôn anh T1là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi.

[2]Về con chung: Chị H và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 15/10/1999. Cháu Đ hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[3]Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị Hkhông yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết trong

vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Quang T1.

2. Về con chung: Chị H và anh T1có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 15/10/1999. Cháu Đ hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên Toà án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí DSST: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005884 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ T (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đặng Xuân Bộ